

Số: /DNA-CĐVT

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2025

V/v: Xin báo giá vật tư phục vụ Sửa
chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 4,6,7,8,11
(C-01R1S001d,f,g,h,k)

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 4,6,7,8,11 (C-01R1S001d,f,g,h,k) thuộc Phân xưởng Khí hóa than. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng hạng mục nêu trên (*theo phụ lục đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 18/11/2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 4,6,7,8,11 (C-01R1S001d,f,g,h,k) thuộc Phân xưởng Khí hóa than

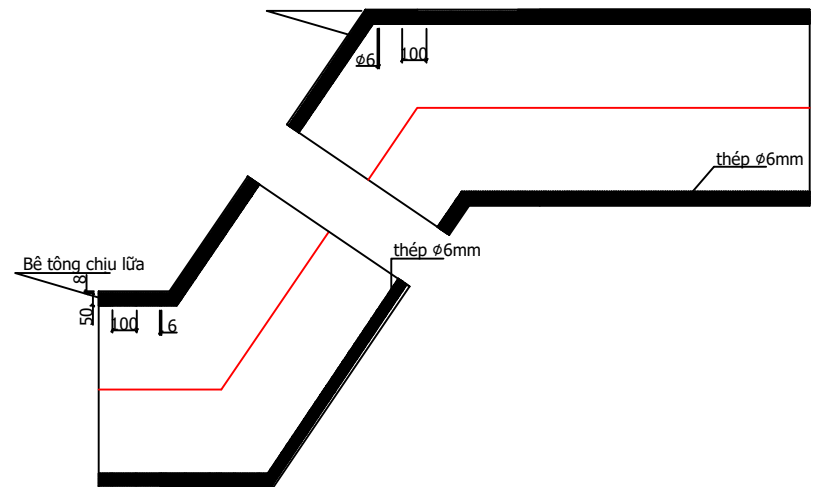
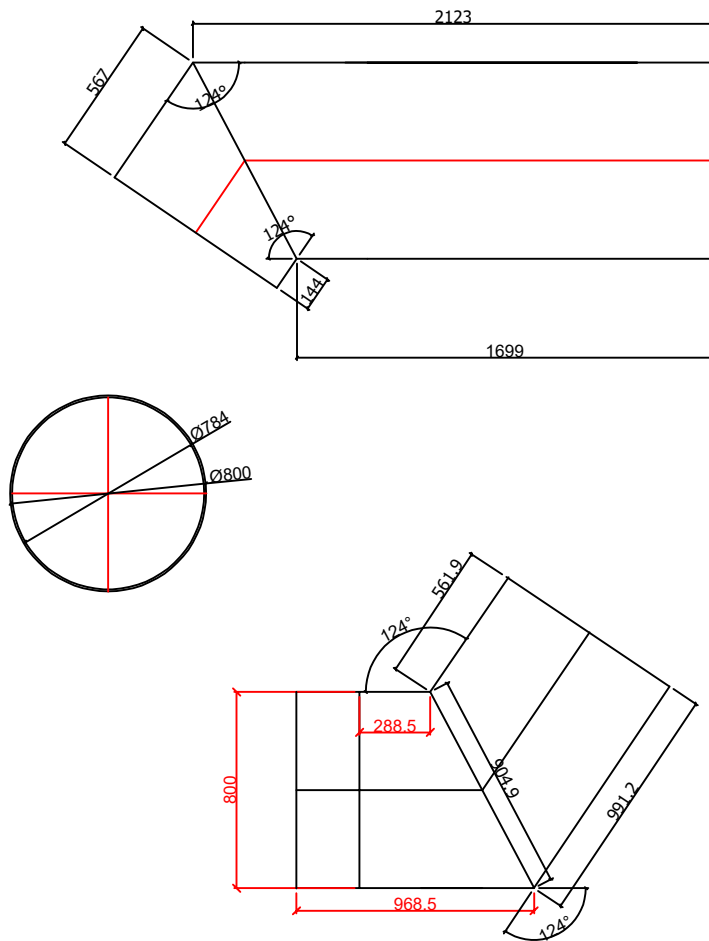
STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thép ống	DN300, SCH20, vật liệu inox 304	Sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 4,6,7,8,11 (C-01R1S001d,f,g,h,k)	mét	75,4	
2	Khớp nối giãn nở	D790xD938x490mm, vật liệu inox 316L		cái	5	
3	Ống cửa ra khí	Ø800x4000x8mm, vật liệu Q235 có đổ bê tông chịu nhiệt bên trong 50mm (gia công theo bản vẽ đính kèm).		bộ	5	
4	Mặt bích thép	DN800, PN1, vật liệu SS400		cái	10	
5	Bu lông	M27x150mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 bu lông + 1 đai ốc + 1 đệm phẳng + 1 đệm vênh		bộ	150	
6	Bu lông	Bu lông M18x160 ren 2/3; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		bộ	100	
7	Bu lông	M20x100mm; ren 1/2; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		bộ	120	
8	Dây amiang	Ø20mm; chịu nhiệt độ >550 độ		mét	308	
9	Gu zông	M24x250mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 gu zông + 02 đai ốc + 02 đệm vênh + 02 đệm phẳng		bộ	10	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
10	Gu zông	M24x320mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 gu zông + 02 đai ốc + 02 đệm vênh + 02 đệm phẳng		bộ	90	
11	Bông bảo ôn	Bông khoáng dày 100mm, tỷ trọng $\geq 120 \text{ kg/m}^3$	Sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 4,6,7,8,11 (C-01R1S001d,f,g,h,k)	kg	4.257,5	
12	Dây thép mạ kẽm	2mm		kg	20,4	
13	Lưới thép mạ kẽm	10x10mm, sợi 0,5mm		m2	515	
14	Thép la	25x4mm, vật liệu SS400, hoặc tương đương		kg	638	
15	Thép hình	U120x50x5x6m, vật liệu SS400, hoặc tương đương		mét	15	
16	Thép hình	V50x50x4mm, vật liệu inox 304		mét	20	
17	Thép tấm	Kích thước 2850x1250x3mm; Vật liệu SUS304; gân chống trượt		tấm	5	
18	Thép tấm	D600x3mm, vật liệu inox 304		tấm	5	
19	Thép tấm	Rộng 300mm, dày 5mm, vật liệu inox 304		mét	28	
20	Tôn phẳng	dày 0,5mm, vật liệu inox 304		m2	105	
21	Tôn sóng vuông (9 sóng)	dày 0,5mm, vật liệu inox 304		m2	411	
22	Vít bắt tôn	M4x20mm		cái	1703	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư/nội dung công việc	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>	<i>(11)</i>	<i>(12)</i>	<i>(13)</i>
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.



Ghi chú:

- Hàn chống biến dạng đảm bảo độ góc nghiêng của ống được chính xác;
- ống dày 8mm;
- vật liệu ống : Q235;
- Đồ bê tông trong ống chịu nhiệt dày 50mm;
- Hàn râu liên kết bê tông D6mm, khoảng cách 2 râu là 100mm.

TT	Quy Cách	Đơn Vị	Khối Lượng	Chú ý
1	Gia công ống cửa ra	Tấn	2,54	
2	Hàn râu cho đường ống	Tấn	0,04	
3	Bê tông chịu nhiệt	1m ³	1,88	
4	Tôn bọc bảo ôn	m ²	10,05	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM CÔNG TY NHÓM ĐẮK NÔNG - TKV				BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA LÒ SINH KHÍ SỐ 2 THUỘC PHÂN XƯỞNG KHÍ HÓA THAN			 VINACOMIN	
Chức danh	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Bộ van chuông lò sinh khí				
Kiểm tra	Nguyễn Văn Quân		/....../2025	Mã hiệu	Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ	Tờ số
Người vẽ	Nguyễn Quang Sang		/....../2025	LSK:17	01		1/30	17/...